

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 155/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 29/08/2018.

V/v tranh chấp “Ly Hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO – TIỀN GIANG

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Ngọc Bình**.

2. Bà **Phan Thị Đẹp**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều** – Thư ký Tòa án nhân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 363/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp “Ly Hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXX - ST ngày 23 tháng 07 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2018/QĐST – HN ngày 09 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Anh **Bùi Quang T**, sinh năm 1973. (Có mặt)

HKTT: A, đường A, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở: Khu H, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn**: Chị **Cao Thanh Ng**, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

HKTT: A, đường A, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở: H, đường A, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện ngày 16/05/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Quang T trình bày:**

Anh Bùi Quang T và chị Cao Thanh Ng tự nguyện sống chung vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ngày 19/02/2003. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2015 có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn cự cãi về kinh tế trong gia đình dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã tự ly thân từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Cao Thanh Ng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Minh Tr, sinh ngày 13/01/1997 đã trưởng thành và Bùi Minh T, sinh ngày 03/07/2005 hiện chị Cao Thanh Ng đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Quang T đồng ý giao cháu Bùi Minh T cho chị Cao Thanh Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn chị Cao Thanh Ng, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn chị Cao Thanh Ng dù đã nhận thông báo thụ lý vụ án; thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Bùi Quang T được ly hôn với chị Cao Thanh Ng.

Về con chung: Cháu Bùi Minh Tr, sinh ngày 13/01/1997 đã trưởng thành. Chị Cao Thanh Ng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh T, sinh ngày 03/07/2005. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Quang T trình bày anh T và chị Cao Thanh Ng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Quang T là tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn chị Cao Thanh Ng cư trú tại A, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Bị đơn chị Cao Thanh Ng vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Cao Thanh Ng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quang T và chị Cao Thanh Ng tự nguyện sống chung từ năm 1993 có đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ngày 19/02/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Ng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị thường xuyên có mâu thuẫn cự cãi. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa anh Bùi Quang T và chị Cao Thanh Ng không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài do anh chị đã tục ly thân từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Do vậy anh Bùi Quang T yêu cầu xin ly hôn với chị Cao Thanh Ng là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của anh Bùi Quang T là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Cháu Bùi Minh Tr, sinh ngày 13/01/1997 đã trưởng thành. Anh Bùi Quang T đồng ý giao cháu Bùi Minh T, sinh ngày 03/07/2005 cho chị Cao Thanh Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Minh T hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu của anh T là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Quang T trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Chị Cao Thanh Ng không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đến tài sản chung, nợ chung của anh chị. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Anh Bùi Quang T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Bùi Quang T phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Quang T.

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Quang T được ly hôn với chị Cao Thanh Ng.

2. Về con chung: Cháu Bùi Minh Tr, sinh ngày 13/01/1997 đã trưởng thành. Giao cháu Bùi Minh T, sinh ngày 03/07/2005 cho chị Cao Thanh Ng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Minh T hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Quang T trình bày anh T và chị Cao Thanh Ng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Quang T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tiền số 0012645 ngày 04/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Anh Bùi Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho.
- Chi cục THA TP Mỹ Tho.
- UBND Phường N, TP Mỹ Tho.
- Các đương sự..
- Lưu hồ sơ.

VÕ THỊ THUẬN THẢO

